**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN ĐỊA LÍ LỚP 12 HỌC KÌ II NĂM HỌC 2019 - 2020**

I. Hình thức: 100% trắc ngiệm.

II. Nội dung:

1. Các bài 37, 39, 41,42

2. Cấu trúc:

- Lý thuyết: 22 câu.

- Kĩ năng: 18 câu ( 14 câu Atlat, 2 câu bảng số liệu, 2 câu biểu đồ).

**Bài 37: Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên**

**Câu 1.** Sự khác biệt về vị trí địa lí của Tây Nguyên so với các vùng kinh tế khác là

A. không giáp biển. B. giáp Cămpuchia.

C. giáp Lào. D. giáp với nhiều vùng.

**Câu 2**. Đây không phải thế mạnh của Tây Nguyên

A. Khai thác và chế lâm sản. B. Thủy điện.

C. Phát triển cây công nghiệp. D. Khai thác khoáng sản.

**Câu 3**. Đều kiện tự nhiên gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên là

A. địa hình có sự phân hóa theo độ cao. B. mùa khô sâu sắc và kéo dài.

C. chịu ảnh hưởng của bão. D. sông ngòi ngắn dốc.

**Câu 4.** Cây công nghiệp quan trọng nhất ở vùng Tây Nguyên là

1. hồ tiêu B. cao su C. chè D. cà phê

**Câu** **5.** Ý nào sau đây **không** phải là điều kiện thuận lợi để Tây Nguyên phát triển cây cà phê?

A. địa hình có nhiều cao nguyên rộng lớn.

B. có 1 số hệ thống sông lớn, cung cấp nước tưới cho cà phê.

C. khí hậu có tính chất cận xích đạo.

D. đất ba dan với tầng phong hóa sâu, giàu dinh dưỡng.

**Câu 6.** Điều kiện thuận lợi cho Tây Nguyên hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp quy mô lớn là

A. đất dỏ ba dan giàu dinh dưỡng, phân bố tập trung via những mặt bằng rộng lớn.

B. khí hậu cận xích đạo với mùa mưa và mùa khô rõ rệt, có sự phân hóa theo độ cao địa hình.

C. khí hậu cẫn sich đạo, nguồn nước trên mặt và nước ngầm phong phú.

D. mùa khô kéo dài là điều kiện thuận lợi để phơi sấy và bảo quản nông sản.

**Câu 7**. Tỉnh có diện tích trồng cà phê lớn nhất Tây Nguyên là

A. Gia Lai.

B. Kon Tum

C. Đắc Lắc.

D. Lâm Đồng.

**Câu 8.** Mô hình sản xuất cây công nghiệp ở Tây Nguyên là

A. nông trường quốc doanh và mô hình kinh tế vườn.

B. hợp tác xã nông nghiejp và kinh tế trang trại.

D. mô hình kinh tế vườn và hợp tác xã nông nghiệp.

**Câu 9.** Ý nào đúng nhất khi nói về giải pháp để nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội trong sản xuất cây công nghiệp ở vùng Tây Nguyên?

A. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trước hết là giao thông vận tải.

B. Đẩy mạnh phát triển mô hình kinh tế vườn, kinh tế hộ gia đình.

C. Bổ sung lao động cho vùng, thu hút lao động từ vùng khác tới.

D. Đẩy mạnh công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

**Câu10.** Ý nào **không** đúng khi nói về nguyên nhân suy giảm tài nguyên rừng ở Tây Nguyên?

A. Nạn phá rừng gia tăng.

B. Tình trạng di dân tự do từ nơi khác đến.

C. Quản lí rừng không chặt chẽ.

D. Công tác giao đất giao rừng được đảy mạnh.

**Câu 11.** Để phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên rừng ở Tây Nguyên, cần phải

A. ngăn chặn nạn phá rừng, khai thác hợp lí kết hợp via bảo vệ, khoanh nuôi, trồng rừng mới.

B. tận thu cành ngọn để hạn chế phá rừng.

C. bảo vệ vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển.

D. củng cố các lâm trường để chăm lo việc khai thác đi đôi via tu bổ và bảo vệ rừng.

**Câu 12.** Ý nào sau đây **không** đúng về ý nghĩa các nhà máy thủy điện ở Tây Nguyên?

A. đem lại nguồn nước tưới trong mùa khô.

B. có thể khai thác cho mục đích du lịch.

C. có thể nuôi trồng thủy sản.

D. giữ được mực nước ngầm.

**13.** Địa điểm nổi tiếng về trồng rau và hoa quả ôn đới ở vùng Tây Nguyên là

A. thành phố Plây Ku.

B. thành phố Buôn Ma Thuột.

C. thành phố Đà lạt.

D. thành phố Kon Tum.

**Câu 14**. Mùa khô kéo dài ở Tây Nguyên cũng có tác dụng đối với sản xuất nông nghiệp trong vùng là

A. để phơi sấy, bảo quản nông sản. B. phát triển cây công nghiệp lâu năm.

C. phát triển thủy sản. D.chăn nuôi gia súc lớn.

**Câu 15**. Các cây công nghiệp chính ở Tây Nguyên là

A. cà phê, hồ tiêu, bông. B. cao su, hồ tiêu, điều.

C. cà phê, cao su, hồ tiêu. D. cà phê, điều, bông.

**Câu 16**. Tỉnh trồng chè nhiều nhất ở Tây Nguyên là

A. Kon Tum. B. Lâm Đồng. C. Đăk Lăk. D. Đắc Nông.

**Câu 17**. Đà Lạt nổi tiếng về nông sản nào?

A. Bông. B. Cà phê.

C. Cao su. D. Rau và hoa quả ôn đới.

**Câu 18**. Trung du và miền núi Bắc bộ và Tây Nguyên có thế mạnh về chăn nuôi gia súc lớn vì hai vùng này đều có

A. khí hậu lạnh. B. diện tích đồng cỏ lớn.

C. các nhà máy chế biến. D. nguồn lao động dồi dào.

**Câu 19**. Khoáng sản có trữ lượng lớn nhất ở Tây Nguyên là

A. bô xit. B. đá a xit. C. a sen. D. mô lip đen.

**Câu 20**. Công nghiệp chế biến của Tây Nguyên đang được đẩy mạnh chủ yếu là nhờ

A. tài nguyên thiên nhiên phong phú.

B. nâng cao số lượng và chất lượng nguồn lao động.

C. tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng và mở rộng thị trường.

D. nông nghiệp sản xuất hàng hóa của vùng phát triển mạnh.

**Bài 39: Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ.**

**Câu1.** Số tỉnh thuộc Đông Nam Bộ hiện nay là

A. 4 B. 5 C.6 D.7.

**Câu 2.** Để khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông – lâm – ngư nghiệp ở Đông Nam Bộ giải pháp quan trọng hàng đầu là

A. giải quyết vấn đề thủy lợi. B. chuyển dịch cơ cấu cây trồng.

C. trồng và bảo vệ vốn rừng. D.đẩy mạnh chế biến nông sản.

**Câu 3.** Vùng có tổng sản phẩm trong nước đứng đầu nước ta là

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Tây Nguyên.

C. Đông Nam Bộ.

D. Đồng bằng sông Cửu Long.

**Câu 4.** Nhận định nào sau đây là chính xác với vùng Đông Nam Bộ?

A. Diện tích trung bình, dân số đông so với các vùng khác, có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất cả nước.

B. Diện tích nhỏ, dân số trung bình so với các vùng khác, có giá trị sản xuất công nghiệp lớn nhất cả nước.

C. Diện tích nhỏ, dân số đông so với các vùng khác, dẫn đầu cả nước về GDP và giá trị hàng xuất khẩu.

D. Diện tích và dân số nhỏ so với các vùng khác ở nước ta, đứng thứu 2 cả nước về giá trị sản xuất công nghiệp và giá trị hàng xuất khẩu.

**Câu 5.** Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về tiêu chí của vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu của Đông Nam Bộ?

A. Nâng cao hiệu quả khai thác lãnh thổ trên cơ sở đầu tư vốn, học, công nghệ.

B. ưu tiên phát triển công nghiệp và dịch vụ.

C. Khai thác có hiệu quả các nguồn lực, duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

D. Giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ môi trường.

**Câu 6.** Cơ sở năng lượng của vùng Đông Nam Bộ được giải quyết tốt nhờ vào

A. phát triển nguồn điện và mạng lưới điện.

B. nhập khẩu nguồn điện từ Căm pu chia.

C. phát triển nguồn điện gió.

D. phát triển các nguồn điện than.

**Câu 7.** Công trình thủy lợi Dầu Tiếng được xây dựng tại tỉnh

A. Tây Ninh.

B. Đồng Nai.

C. Bình Dương.

D. Bình Phước.

**Câu 8.** Hạn chế lớn nhất để phát triển nông nghiệp của Đông Nam Bộ là

A. diện tích đất canh tác không lớn.

B. mùa khô kéo dài, thiếu nước nghiêm trọng.

C. cơ sở kỹ thuật kém phát triển.

D. chậm chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

**Câu 9.** Trong việc phát triển cây công nghiệp lâu năm ở vùng Đông Nam Bộ, ngoài thủy lợi thì biện pháp quan trọng tiếp theo là

A. áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất.

B. tăng cường sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật.

C. thay đổi cơ cấu cây trồng và giống cây trồng cho năng suất cao hơn.

D. nâng cao trình độ cho người lao động.

**Câu 10.** So với cả nước, các ngành dịch vụ của Đông Nam Bộ có đặc điểm là

A. cơ cấu ngành đa dạng song tăng trưởng chậm.

B. tăng trưởng khá nhanh và cơ cấu ngành đa dạng.

C. tăng trưởng đứng thứ 2 trong các vùng và cơ cấu ngành đa dạng.

D. tăng trưởng nhanh nhất so với các vùng và phát triển có hiệu quả.

**Câu 11.** Nhiệm vụ quan trọng nhất để phát triển bền vững ở vùng Đông Nam Bộ là

A. tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng.

B. bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển công nghiệp theo chiều sâu.

C. quy hoạch và xây dựng thêm các khu công nghiệp, các khu chế xuất mới.

D. đẩy mạnh và phát triển ngành công nghiệp khai thác dầu khí.

**Câu 12.** Tác động của ngành công nghiệp khai thác dầu khí đến sự phát triển kinh tế của vùng Đông Nam Bộ là

A. làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân hóa lãnh thổ của vùng.

B. đảm bảo an ninh quốc phòng.

C. tăng nhanh tổng sản phẩm GDP trong nước.

D. làm thay đổi cơ cấu lao động trong vùng.

**Câu 13**. Việc đảm bảo nước tưới vào mùa khô ở Đông Nam Bộ **không** có ý nghĩa nào sau đây?

A. Tăng diện tích đất trồng trọt. B. Tăng hệ số sử dụng đất.

C. Tăng sản lượng lương thực. D. Tăng khả năng chống chịu sâu bệnh.

**Câu 14**. Công trình thủy điện lớn nhất nước ta hiện nay thuộc vùng Đông Nam Bộ là

A. hồ Trị An. B. hồ Dầu Tiếng. C. hồ Hòa Bình. D. hồ Thác Bà.

**Câu 15**. Các cây công nghiệp lâu năm chủ yếu ở Đông Nam Bộ là

A. cà phê, chè, hồ tiêu, đậu tương. B. cao su, cà phê, điều, hồ tiêu.

C. cà phê, điều, bông, hồ tiêu. D. cà phê, hồ tiêu, dừa, chè.

**Câu 16**. Rừng ngập mặn đang bị suy giảm ở Đông Nam Bộ chủ yếu do

A. cháy rừng. B. lấy than củi và nuôi trồng thủy sản.

C. xây dựng khu công nghiệp. D. phục vụ du lịch.

**Câu 17**. Vấn đề cần được quan tâm khi khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

A. chuyển dịch cơ cấu ngành. B Bảo vệ môi trường.

C. khai thác tổng hợp lãnh thổ. D. thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 18**. Vấn đề quan trọng hàng đầu cần giải quyết đối với phát triển công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

A. nhu cầu năng lượng. B. lực lượng lao động.

C. nguồn nguyên liệu. D. thị trường tiêu thụ.

**Câu 19**. Nhà máy thủy điện lớn nhất Đông Nam Bộ là

A. Phú Mỹ. B. Cần Đơn. C. Trị An. D. Thác Mơ.

**Câu 20**. Ngành dầu khí tác động mạnh mẽ nhất đến sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh/thành phố nào sau đây?

A. TP.Hồ Chí Minh. B. Bà Rịa – Vũng Tàu.

C. Bình Dương. D. Đồng Nai.

**Bài 41: Vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long.**

**Câu 1.** Đồng bằng sông Cửu Long ít xảy ra

A. hạn hán B. bão. C. lũ lụt. D. xâm nhập mặn.

**Câu 2.** Các thế mạnh chủ yếu của Đồng bằng sông Cửu Long là

A. đất, khí hậu, nguồn nước, khoáng sản.

B. đất, khí hậu, tài nguyên biển, khoáng sản.

C. đất, rừng, nguồn nước, khoáng sản.

D. đất, khí hậu, nguồn nước, sinh vật.

**Câu 3.** Tỉnh nào sau đây **không** thuộc vùng Đồng bằng sông Cửu Long?

A. Cà Mau. B. Sóc Trăng C. Bạc Liêu. D.Tây Ninh

**Câu 4.** Trung tâm công nghiệp nào sau đây **không** thuộc vùng Đồng bằng Cửu Long?

A. Cần Thơ. B. Cà Mau. C. Thủ Dầu Một, D. Long Xuyên

**Câu 5.** Mùa khô ở Đồng bằng Cửu Long kéo dài từ

A. tháng 12đến tháng 5 năm sau.

B. tháng 12 đến tháng 4 năm sau.

C. tháng 10 đến tháng 5 năm sau .

D. tháng 11 đến tháng 6 năm sau.

**Câu 6.** Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở đồng bằng sông Cửu Long là

A. đất mặn. B. đất xám. C. đất phèn. D. đất phù sa ngọ

**Câu 7.** Hoạt động du lịch có tiềm năng nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là:

A. Mạo hiểm. B. Nghỉ dưỡng. C. Sinh thái. D. Văn hóa.

**Câu 8.** Chủ động “Sống chung với lũ” để khai thác các nguồn lợi kinh tế do lũ hàng năm đem lại là đặc trưng của vùng

A. Đồng bằng sông Hồng B. Đồng bằng ven biển miền Trung

C. Vùng Trung du miền núi D. Đồng bằng sông Cửu Long

**Câu 9.** Hướng chính trong khai thác kinh tế vùng biển ở Đồng bằng sông Cửu Long là kết hợp

A. khai thác sinh vật biển, khoáng sản và phát triển du lịch biển.

B. mặt biển, đảo, quần đảo và đất liền tạo nên một thể kinh tế liên hoàn.

C. vùng bờ biển với đất liền và hệ thống sông ngòi, kênh rạch.

D. kết hợp du lịch biển, phát triển giao thông vận tải biển và du lịch miệt vườn.

**Câu 10:** Nhóm đất mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long phân bố chủ yếu ở

A. Đồng Tháp Mười, Tứ Giác Long Xuyên

B. Vành đai ven biển Đông và vịnh Thái Lan

C. Đồng Tháp Mười và vành đai ven biển vịnh Thái Lan

D. Đồng tháp mười, tứ giác Long Xuyên và vành đai ven biển Đông

**Câu 11.** Trung tâm kinh tế - chính trị và du lịch của Đồng bằng sông Cửu Long là

A. Cà Mau. B. Cần Thơ. C. Vĩnh Long. D. Hậu Giang.

**Câu 12:** Biện pháp nào sau đây **không** phù hợp với việc cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long ?

A.Tăng cường khai thác các nguồn lợi mùa lũ.

B. Lai tạo các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.

C. Chia ruộng thành các ô nhỏ nhằm thuận tiện cho việc thau chua, rửa mặn.

D. Tăng cường khai phá rừng ngập mặn nhằm mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.

**Câu 13.** Mùa khô kéo dài ở Đồng bằng sông Cửu Long ***không*** gây ra hậu quả nào sau đây?

A. Sâu bệnh phá hoại mùa màng.

B. Xâm nhập mặn sâu vào trong đất liền.

C. Làm tăng độ chua và chua mặn trong đất.

D. Thiếu nước ngọt cho sản xuất và sinh hoạt.

**Câu 14:** Biện pháp nào sau đây **không** phù hợp với việc cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long ?

A.Tăng cường khai thác các nguồn lợi mùa lũ.

B. Lai tạo các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.

C. Chia ruộng thành các ô nhỏ nhằm thuận tiện cho việc thau chua, rửa mặn.

D. Tăng cường khai phá rừng ngập mặn nhằm mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản.

của vùng .

**Câu 15.** Vùng Đồng bằng sông Cửu Long có ngành chăn nuôi gia súc và gia cầm phát triển mạnh là do

A. điều kiện tự nhiên thuận lợi.

B. nguồn thức ăn cho chăn nuôi phong phú, thị trường tiêu thụ rộng lớn.

C. lực lượng lao động dồi dào, có kinh nghiệm trong phát triển chăn nuôi.

D. sử dụng nhiều giống gia súc, gia cầm có giá trị kinh tế cao trong chăn nuôi.

**Câu 16.** Thuận lợi về điều kiện kinh tế - xã hội để sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. vùng có lịch sử khai thác lãnh thổ lâu đời nhất nước ta.

B. cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kĩ thuật tốt nhất cả nước.

C. thị trường tiêu thụ rộng lớn, công nghiệp chế biến phát triển mạnh.

D. mật độ dân số đông, quá trình công nghiệp hoá đang được đẩy mạnh

**Câu 17**. Tình trạng xâm nhập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long diễn ra nghiêm trọng hơn vào thời gian gần đây do

A. địa hình thấp, ba mặt giáp biển.

B. mùa khô kéo dài, nền nhiệt cao.

C. ba mặt giáp biển, mạng lưới kênh rạch chằng chịt.

D. ảnh hưởng của El Nino và các hồ thuỷ điện ở thượng nguồn.

**Câu 18.** Ngành thuỷ sản ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long phát triển thuận lợi hơn Đồng bằng sông Hồng là do

A. công nghiệp chế biến phát triển hơn.

B. có một mùa lũ trong năm, nguồn lợi thuỷ sản trong mùa lũ rất lớn.

C. có nguồn thuỷ sản phong phú và diện tích mặt nước nuôi trồng lớn.

D. người dân có nhiều kinh nghiệm đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản hơn.

**Câu 19**. Loại hình du lịch có tiềm năng nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. du lịch mạo hiểm. B. du lịch nghỉ dưỡng.

C. du lịch sinh thái. D. du lịch văn hóa.

**Câu 20**. Ngành công nghiệp phát triển mạnh nhất ở đồng bằng sông Cửu long là

A. Chế biến lương thực, thực phẩm. B. sản xuất vật liệu xây dựng.

C. cơ khí nông nghiệp. D. sản xuất hàng tiêu dùng.

**Bài 42: Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.**

**Câu 1.** Bộ phận nào của vùng biển nước ta được xem như bộ phận lãnh thổ trên đất liền?

A. Lãnh hải.

B. Nội thủy.

C. Vùng tiếp giáp lãnh hải.

D. Vùng đặc quyền kinh tế.

**Câu 2**. Phú Quốc là huyện đảo thuộc tỉnh

A. Hải Phòng. B. Quảng Ninh.

C. Kiên Giang. D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Câu 3.** Đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế biển ở nước ta có ý nghĩa

A. khai thác triệt để các tiềm năng phát triển kinh tế ở vùng biển, kết hợp với bảo vệ chủ quyền biển đảo ở nước ta.

B. khôi phục các làng nghề đi biển truyền thống và bảo vệ chủ quyền biển đảo của nước ta.

C. góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

D. Khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hảo đảo, thềm lục địa và bảo vệ chủ quyền biển đảo nước ta.

**Câu 4.** Khi giải thích lí do phải khai thác tổng hợp kinh tế biển, ý kiến nào sau đây chưa chính xác?

A. Chỉ có khai thác tổng hợp mới đem lại hiệu quả kinh tế cao và bỏa vệ môi trường.

B. Giúp khắc phục các khó khăn do thiên tai gây ra.

C. Môi trường biển không chia cắt được, một vùng biển bị ô nhiễm sẽ gây thiệt hại cho cả vùng bờ biển, vùng nước và đảo.

D. Môi trường biển đảo rất nhạy cảm trươc những tác động của con người.

**Câu 5.** Nghề làm muối ở nước ta phát triển mạnh nhất ở vùng

A. Đồng bằng sông Hồng.

B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Duyên hải Nam Trung Bộ.

D. Bắc Trung Bộ.

**Câu 6.** Ý kiến nào sau đây **không** đúng khi nói về vai trò của việc đánh bắt thủy sản xa bờ?

A. Nâng cao hiệu quả kinh tế khai thác biển.

B. Giúp bảo vệ vung trời, vùng biển, hải đảo, vùng thềm lục địa của nước ta.

C. Thuạn tiện cho việc trao dổi hàng hóa via nước ngoài.

D. Góp phần hạn chế sự suy giảm tài nguyên sinh vật vùng ven bờ.

**Câu 7.** Nơi đã 2 lần được công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới là

A. vịnh Hạ Long.

B. động Phong Nha.

C. vườn quốc gia Cát Tiên.

D. vịnh Nha Trang.

**Câu 8.** Các cảng nước sâu: Cái Lân, Vũng Áng, Dung Quất lần lượt thuộc các tỉnh:

A. Hà Tĩnh, Quảng Ninh, Quản Ngãi.

B. Quảng Ngãi, Quảng Ninh, Hà Tĩnh.

C. Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi.

D. Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Hà Tĩnh.

**Câu 9.** Vùng biển nước ta có khoảng bao nhiêu hòn đảo lớn nhỏ?

A. 3000 B. 4000 C. 5000 D. 6000.

**Câu 10**. Những đảo có đông dân sinh sống ở vùng biển nước ta là

A. Cái Bầu, Cát Bà, Lý Sơn, Phú Quốc.

B. Cái Bầu, Cồn Cỏ, Phú Quý, Phú Quốc.

C. Cát Bà, Cồn Cỏ, Phú Quý, Phú Quốc.

D. Cát Bà, Cồn Cỏ, Lý Sơn, Phú Quốc.

**Câu 11.** Việc khẳng định chủ quyền của nước ta đối với các đảo và quần đảo có ý nghĩa

A. là cơ sở khẳng định chủ quyền của nước ta đối với vùng biển và thềm lục địa quanh đảo.

B. là hệ thống tiền tiêu để bảo vệ phần đất liền của Tổ quốc.

C. là căn cứ để nước ta tiến ra biển và đại dương trong thời đại mới.

D. góp phần khai thác có hiệu quả các nguồn lợi vùng biển, hải đảo của nước ta.

**Câu 12**. Biển nước ta có nhiều đặc sản như

A. bào ngư, sò huyết, mực, cá, tôm, hải sâm.

B. hải sâm, bào ngư, đồi mồi, cá, tôm, cua.

C. mực, cá, tôm, cua, đồi mồi, bào ngư.

D. đồi mồi, vích, hải sâm, bào ngư, sò huyết.

**Câu 13**. Chim yến có nhiều trên các đảo đá ven bờ nước ta thuộc tỉnh

A. Ninh Thuận. B. Khánh Hòa. C. Bình Thuận. D. Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Câu 14**. Vùng biển nước ta giàu khoáng sản như

A. muối, titan, cát trắng, dầu khí.

B. muối, crôm, cát trắng, dầu khí.

C. muối, than, cát trắng, dầu khí.

D. đồng, titan, cát trắng, dầu khí.

**Câu 15**. Nguy cơ lớn nhất gây ô nhiễm môi trường biển là

A. việc đánh bắt cá vên bờ. B. chất thải công nghiệp.

C. các phương tiện giao thông. D. các sự cố tràn dầu.

**Câu 16.** Điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển du lịch biển ở nước ta là

A. có vị trí gần trung tâm Đông Nam Á.

B. có nhiều bãi cát rộng, phẳng, phong cảnh đẹp.

C. có nhiều vũng vịnh thuận lợi cho xây dựng các cảng nước sâu.

D. có nhiều cửa sông thuận lợi cho việc xây dựng cảng.

**Câu 17**. Hiện nay, ở nước ta loại hình du lịch thu hút nhiều nhất du khách là

A. du lịch nghỉ dưỡng. B. du lịch thể thao dưới nước.

C. du lịch biển – đảo. D. du lịch sinh thái.

**Câu 18**. Vùng kinh tế nào thuận lợi nhất cho việc hình thành các cảng biển ở nước ta?

A. Đông Nam Bộ. B. Đồng bằng sông Cửu Long.

C. Bắc Trung Bộ. D. Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 19. Để tạo thế mở cửa cho các tỉnh ven biển chúng ta phải

A. tăng cường việc đánh bắt xa bờ. B. đẩy mạnh công nghiệp khai thác dầu khí.

C. phát triển du lịch biển – đảo. D. phát triển hệ thống cảng biển.

**Câu 20**. Phải khai thác tổng hợp kinh tế biển vì

A. hoạt động kinh tế biển rất đa dạng.

B. tài nguyên biển đang bị suy giảm.

C. nước ta giàu có về tài nguyên biển.

D. Biển Đông đang là vấn đề thời sự.